

Bản án số: 107/2024/DS-ST

Ngày: 29-8-2024

V/v: Tranh chấp hợp đồng dân sự
vay tài sản.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT, TỈNH KIÊN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Quyên

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Phạm Hồng Gái
- Ông Nguyễn Văn Dũng

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đỗ Thị Mộng Trinh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:** Không tham gia.

Trong ngày 29 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 77/2024/TLST-DS ngày 20 tháng 02 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 110/2024/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 75A/2024/QĐST-DS ngày 23 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Chị **Đặng Thị S**, sinh năm 1971; Địa chỉ: **Khu phố Đ, thị trấn H, huyện H, tỉnh Kiên Giang**. (có mặt)

2. **Bị đơn:** Ông **Nguyễn Thanh S1**, sinh năm 1985 và bà **Trần Thị Mỹ X**, sinh năm 1990; Cùng địa chỉ: **Tổ A, khu phố T, thị trấn H, huyện H, tỉnh Kiên Giang**. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn chị **Đặng Thị S** trình bày tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa như sau:

Do chị **S** có quen biết và làm ăn với vợ chồng **Nguyễn Thanh S1** và chị **Trần Thị Mỹ X** nên anh **S1** và chị **X** có nhờ chị **S** vay tiền dùm hai lần, một lần chị **S** vay tiền dùm cho vợ chồng anh **S1**, chị **X** và giao cho anh **S1** vào ngày 01/02/2018 với số tiền vay gốc là 50.000.000 đồng, hai bên có làm giấy biên nhận đề ngày 01/02/2018 do anh **S1** ghi họ tên, hai bên thỏa thuận lãi suất bằng miệng là 3%/tháng, một lần chị **S** vay tiền dùm và giao tiền cho chị **X** vào ngày 03/5/2018 với số tiền vay gốc là 110.000.000 đồng, hai bên có làm biên nhận đề ngày 3/5/2018 ÂL(âm lịch) do chị **X** ký nhận và hẹn trả vào ngày 03/6/2018 ÂL, hai bên thỏa thuận lãi suất bằng miệng là 3%/tháng, theo biên nhận ngày 3/5/2018 ÂL thì chị **S** chuyển số tiền vay 50.000.000 đồng sang biên nhận ngày 3/5/2018ÂL, tổng cộng hai lần vay với số tiền gốc là 160.000.000 đồng. Sau đó vào ngày tháng năm nào chị **S** không nhớ rõ thì vợ chồng chị **X**, anh **S1** đã trả được cho chị **S** số tiền vay gốc là 40.000.000 đồng của khoản vay 50.000.000 đồng, còn lại số tiền gốc của cả hai lần vay là 120.000.000 đồng chưa thanh toán cho chị **S**, chị **S** xác nhận sau khi hai bên chốt lại số tiền nợ gốc còn là 120.000.000 đồng thì chị **X** và anh **S1** đóng cho chị **S** được 11.000.000 đồng tiền lãi, trả vào ngày tháng năm nào thì chị **S** không nhớ rõ.

Tại phiên tòa chị **S** có yêu cầu như sau: Yêu cầu vợ chồng **Nguyễn Thanh S1** và chị **Trần Thị Mỹ X** trả cho chị **S** số tiền vay gốc là 120.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất từ ngày 3/5/2018 đến ngày 04/10/2023 là 65 tháng với lãi suất là 1,66%/tháng là 129.480.000 đồng, trừ đi số tiền lãi đã đóng là 11.000.000 đồng, số tiền lãi còn lại là 118.480.000 đồng. Tổng cộng tiền gốc và lãi phải trả là 238.480.000 đồng và tiền lãi với lãi suất là 1,66%/tháng đến ngày Tòa án xét xử.

* Bị đơn anh **Nguyễn Thanh S1** và chị **Trần Thị Mỹ X**: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho ông **Nguyễn Văn L** là cha ruột của anh **S1** nhận thay và cam kết giao lại nhưng chị **X** và anh **S1** đều vắng mặt, nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bị đơn đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa anh **Nguyễn Thanh S1** và chị **Trần Thị Mỹ X** vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghị án, Tòa án nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:* Ngày 25-10-2023, chị **Đặng Thị S** có đơn khởi kiện yêu cầu anh **Nguyễn Thanh S1** và chị **Trần Thị Mỹ X** phải trả cho chị **S** số tiền vay gốc và lãi, bị đơn anh **S1** và chị **X** có nơi cư trú tại **tổ A, khu phố T, thị trấn H, huyện H, tỉnh Kiên Giang** nên căn cứ theo quy định tại khoản 3, Điều 26, điểm a, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, tranh chấp phát sinh giữa hai bên là tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất.

[2] *Về tố tụng:* Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn anh **S1** và chị **X**, nhưng anh **S1** và chị **X** vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] *Về nội dung:*

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn **Đặng Thị S**, Tòa án nhận thấy:

Vào năm 2018, giữa chị **S** và chị **X**, anh **S1** có thỏa thuận về việc vay tiền với nhau. Chị **X**, anh **S1** vay tổng cộng hai lần với số tiền là 160.000.000 đồng, cụ thể lần thứ nhất chị **X**, anh **S1** vay số tiền là 50.000.000 đồng vào ngày 01/02/2018^{ÂL} do anh **S1** ký họ tên, lần thứ hai vay với số tiền là 110.000.000 đồng do chị **X** ký tên và ghi họ tên vào ngày 3/5/2018^{ÂL}, cả hai lần vay tiền trên thì chị **S** đều làm biên nhận, vào khoảng thời gian nào chị **S** không nhớ thì chị **X**, anh **S1** có trả được 40.000.000 đồng tiền vay gốc của khoản vay 50.000.000 đồng vào ngày 01/02/2018^{ÂL}, khoản vay này chị **X**, anh **S1** còn nợ là 10.000.000 đồng, còn khoản vay 110.000.000 đồng thì chị **X**, anh **S1** chưa trả được lần nào số tiền gốc, hiện tại còn nợ chị **S** tổng cộng số tiền gốc là 120.000.000 đồng. Tại Tòa án, chị **S** cung cấp bản gốc biên nhận ngày 3/5/2018^{ÂL} có chữ ký và chữ viết của chị **X** và biên nhận ngày 01/2/2018 có chữ viết của anh **S1**.

Căn cứ Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định về nghĩa vụ chứng minh của đương sự thì: “*Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình*

phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó”. Tuy nhiên, chị X, anh S1 không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cũng như xác định trách nhiệm đối với khoản nợ chị X, anh S1 nợ nguyên đơn như trong biên nhận ngày 3/5/2018^{ÂL} và biên nhận ngày 01/2/2018 hoặc có ý kiến phản đối lời trình bày của nguyên đơn và các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp để Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết. Ngoài ra, Tòa án cũng ra thông báo yêu cầu chị X, anh S1 cung cấp tài liệu, chứng cứ trong trường hợp anh chị không đồng ý với hai biên nhận mà nguyên đơn cung cấp thì có quyền làm đơn giám định chữ ký nhưng chị X, anh S1 cũng không có ý kiến hay văn bản gửi cho Tòa án. Như vậy, chị X, anh S1 đã mặc nhiên thừa nhận các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp cho Tòa án là hợp pháp. Vì vậy, có căn cứ xác định chị X, anh S1 có vay của chị S số tiền vay gốc là 120.000.000 đồng, Tòa án xét thấy việc chị S cho chị X, anh S1 vay tiền là sự thỏa thuận và giao kết hoàn toàn tự nguyện giữa các bên, không trái đạo đức xã hội và không vi phạm điều cấm của pháp luật, tại thời điểm cho vay tiền giữa các bên có làm giấy biên nhận và chị X xin trả trong thời hạn 01 tháng do đó căn cứ theo quy định tại các Điều 463 và 469 Bộ luật Dân sự năm 2015, xác định hợp đồng vay tiền giữa chị X, anh S1 là hợp đồng vay tài sản có thỏa thuận kỳ hạn trả và yêu cầu khởi kiện của chị S đối với số tiền vay gốc nêu trên là có cơ sở chấp nhận.

Đối với yêu cầu về lãi suất: Tại phiên tòa chị S yêu cầu tính lãi suất từ ngày 03/5/2018^{ÂL} đến ngày Tòa xử là 1,66%/tháng. Xét thấy, theo lời trình bày của chị S thì tại thời điểm vay các bên chỉ thỏa thuận lãi suất bằng miệng không ghi trong biên nhận, trong quá trình giải quyết vụ án chị X, anh S1 không có ý kiến bằng văn bản để xác định giữa hai bên có thỏa thuận lãi suất hay không, do đó căn cứ vào khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự thì chấp nhận lãi suất là 0,83%/tháng là phù hợp, tại phiên tòa chị S chỉ yêu cầu chị X, anh S1 trả lãi tính từ thời điểm vay số tiền cuối cùng là ngày 03/5/2018^{ÂL} (tức ngày 16/6/2018 DL) trên tổng số tiền gốc vay còn nợ là 120.000.000 đồng và đồng ý trừ 11.000.000 đồng tiền lãi mà chị X, anh S1 đã đóng cho chị S nên căn cứ Điều 466, 468 Bộ luật dân sự thì lãi suất là 120.000.000 đồng x 0,83 %/tháng x 74 tháng = 73.704.000 đồng – 11.000.000 đồng tiền lãi đã đóng = 62.704.000 đồng tiền lãi, tổng cộng gốc và lãi là 182.704.000 đồng

Từ những nhận định trên, căn cứ Điều 463, 466 và 468, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015, Tòa án xét thấy yêu cầu của chị S là có cơ sở chấp nhận, nên buộc

anh **S1**, chị **X** phải có nghĩa vụ trả nợ cho chị **S** với tổng số tiền gốc và lãi là 182.704.000 đồng (Một trăm tám mươi hai triệu, bảy trăm lẻ bốn nghìn đồng) là phù hợp.

[4] *Án phí dân sự sơ thẩm*: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Do yêu cầu khởi kiện của chị **Đặng Thị S** được Tòa án chấp nhận nên buộc anh **S1**, chị **X** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là: 182.704.000 đồng x 5% = 9.135.200 đồng. Trả lại tiền tạm ứng án phí cho chị **S** theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 147, 227, 228, 244, 266 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 463, 466 và 468, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị **Đặng Thị S**.
2. Buộc anh **Nguyễn Thanh S1**, chị **Trần Thị Mỹ X** phải trả cho chị **Đặng Thị S** số tiền vay gốc và lãi là 182.704.000 đồng (Một trăm tám mươi hai triệu, bảy trăm lẻ bốn nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Anh **Nguyễn Thanh S1** và chị **Trần Thị Mỹ X** có nghĩa vụ nộp án phí là 9.135.200 đồng (Chín triệu một trăm ba mươi lăm triệu, hai trăm đồng).

Hoàn trả cho chị **Đặng Thị S** số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.962.000 đồng (Năm triệu, chín trăm sáu mươi hai nghìn đồng) theo biên lai thu số 0007029 ngày 29/01/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh

Kiên Giang.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014”.

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hoặc từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Hòn Đất;
- Chi cục THA Dân sự huyện Hòn Đất;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Phan Thị Quyên

